

Bản án số: 16/2025/DS-ST

Ngày: 10/02/2025

V/v tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Mỹ Phúc

2. Ông Châu Thanh Tân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Dương Cẩm Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 431/2024/TLST-DS, ngày 12 tháng 11 năm 2024, về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2024/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần Q; trụ sở số A, đường L, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Lưu Trung T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Q.

Người đại diện ủy quyền: Trần Quyết T1, Nguyễn Vạn P, Nguyễn Quan H, Đinh Thanh T2 và Nguyễn Tuấn A cùng địa chỉ Tầng C, tòa nhà M, số G V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. (văn bản ủy quyền số 2332/UQ-MBAMC, ngày 14/10/2024) (ông T1 có mặt, còn lại vắng mặt).

* **Bị đơn:** Nguyễn Văn B, sinh năm 1968 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1971; cùng địa chỉ số B, đường T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/10/2024 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 23/3/2021, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q (gọi tắt là Ngân hàng) với ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng N có ký kết Hợp đồng cho vay số: 52092.21.860.6220717.TD và Văn kiện sửa đổi, bổ sung ngày 09/3/2022, về việc Ngân hàng cho ông B, bà N vay số tiền 4.300.000.000đ (Bốn tỷ ba trăm triệu đồng), với phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày 19/3/2021; lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ; mục đích vay để sản xuất kinh doanh cửa sắt, cửa nhôm, kính, nhà tiền chế và các loại đồ sắt, xây dựng công trình dân dụng của khách hàng.

Thực hiện hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông B, bà N tổng số tiền 4.300.000.000đ (Bốn tỷ ba trăm triệu đồng) theo các Văn bản nhận nợ số: LD2301249060, ngày 12/01/2023 với số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng); LD2301624497, ngày 16/01/2023 với số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng); LD2301121203, ngày 11/01/2023 với số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng); LD2301001383, ngày 10/01/2023 với số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) và LD2300989087, ngày 09/01/2023 với số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Ngoài ra, ngày 26/12/2019 bà N và Ngân hàng còn ký kết hợp đồng vay theo thẻ tín dụng số 860-V00001324, hạn mức thẻ tín dụng 300.000.000đ, lãi suất trong hạn 29%/năm, lãi suất quá hạn 150%/năm lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo khoản nợ vay trên, ông B, bà N có thể chấp tài sản cho Ngân hàng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 52093.21.860.6220717.BĐ, ngày 23/3/2021 được chứng nhận tại Văn phòng C, số 3782, ngày 23/3/2021 và đăng ký thế chấp cùng ngày tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CX 146226 thuộc thửa 246, tờ bản đồ 28, diện tích 900,4m², đất trồng cây lâu năm, tại phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, do bà Nguyễn Thị Hồng N đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 52100.21.860.6220717.BĐ, ngày 23/3/2021 được chứng nhận tại Văn phòng C, số 3783, ngày 23/3/2021 và đăng ký thế chấp ngày 23/3/2021 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CX 146230 thuộc thửa 234, tờ bản đồ 28, diện tích 240,5m², đất trồng cây lâu năm, tại phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, do ông Nguyễn Văn B đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 52105.21.860.6220717.BĐ, ngày 23/3/2021 được chứng nhận tại Văn phòng C, số 3781, ngày 23/3/2021 và đăng ký thế chấp cùng ngày tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất DA 268233 thuộc thửa 45, tờ bản đồ 30, diện tích 786,5m², đất trồng cây lâu năm, tại phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, do bà Nguyễn Thị Hồng N đứng tên; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất DA 268226 thuộc thửa 192, tờ bản đồ 27, diện tích 111,1m², đất trồng cây lâu năm, tại phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, do bà Nguyễn Thị Hồng N đứng tên; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BX 595590 thuộc thửa 457, tờ bản đồ 9, diện tích 121,1m², đất trồng cây lâu năm, tại khóm C, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, do ông Nguyễn Văn B đứng tên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông B, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết trong hợp đồng; mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông B, bà N nghĩa vụ thanh toán nhưng ông bà vẫn không thanh toán, nên ngày 25/6/2024 số dư nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 10/02/2025 ông B, bà N còn nợ theo Hợp đồng tín dụng tổng cộng bằng 4.963.439.864đ (trong đó tiền gốc 4.246.000.000đ; tiền lãi 717.439.864đ (lãi trong hạn 344.557.114đ; lãi quá hạn 351.170.928đ và lãi chậm thanh toán 21.711.822đ). Ngoài ra, bà N còn nợ tiền đối với thẻ tín dụng tiền gốc bằng 300.000.000đ và tiền lãi 86.652.490đ. Do ông B, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cho nên Ngân hàng yêu cầu ông bà phải thanh toán số tiền 5.350.092.355đ và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp ông B, bà N không trả hoặc trả không đầy đủ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị Hồng N không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qui trình nhận đơn, thu thập chứng cứ của Thẩm phán đúng trình tự thủ tục tố tụng; về thời hạn xét xử **đảm bảo** đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về Hội đồng xét xử thực hiện nguyên tắc xét xử đúng trình tự thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được thực hiện nghiêm túc, nhưng bị đơn chưa thực hiện nghiêm.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 100, 101, 103 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Buộc ông B, bà N hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi tổng cộng bằng 4.963.439.864đ và buộc bà N trả số tiền 386.652.490đ. Kể từ ngày 10/02/2025, Ngân hàng được quyền tiếp tục tính lãi

theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi ông B, bà N thanh toán hết nợ. Trường hợp bị đơn không khả năng thanh toán thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Buộc ông B, bà N chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng:** Xét thấy nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ tại thành phố V để yêu cầu trả lại số tiền gốc, lãi vay; mục đích vay để tiêu dùng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án dân sự tranh chấp về “*Hợp đồng tín dụng*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

[2] Tòa án đã triệu tập bị đơn để tham dự phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về nội dung:** Căn cứ Hợp đồng cho vay số: 52092.21.860-6220717.TD, ngày 23/3/2021 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q – Chi nhánh V với ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng N, xét về hình thức và nội dung phù hợp pháp luật, được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, nên có giá trị thi hành đối với các bên tham gia giao dịch. Căn cứ các Văn bản nhận nợ của các ngày 09, 10, 11, 12 và 16 tháng 01 năm 2023 cho thấy ông B, bà N có nhận của Ngân hàng số tiền gốc 4.300.000.000đ là có thật, tính đến ngày 10/02/2025, ông B, bà N còn nợ theo Hợp đồng tín dụng tiền gốc bằng 4.246.000.000đ và tiền lãi 717.439.864đ và bà N nợ tiền thế tín dụng tiền gốc 300.000.000đ và tiền lãi 86.652.490đ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt cho các bị đơn Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng các bị đơn không có ý kiến phản đối. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật không cần phải chứng minh và khẳng định ông B, bà N hiện còn nợ Ngân hàng số tiền gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng bằng 4.963.439.864đ và bà N nợ tiền thế tín dụng bằng 386.652.490đ. Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng mặc dù nguyên đơn đã thông báo nhắc nhở nhiều lần để trả nợ nhưng bị đơn vẫn không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cho nên, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn hoàn trả tiền gốc, lãi là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 100 và Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

[4] Xét việc nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy, căn cứ các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 52093.21.860-6220717.BĐ; 52100.21.860.6220717.BĐ và 52105.21.860.6220717.BĐ cùng ngày 23/3/2021 cho thấy các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, không trái pháp luật hay đạo đức xã hội và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự; xét về mặt hình thức thì các

Hợp đồng thế chấp đã được chứng nhận của Phòng công chứng và có đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền là phù hợp với khoản 3 Điều 167, khoản 3 Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 119 của Bộ luật Dân sự và Điều 4 của Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm, cho nên, Hợp đồng thế chấp là hoàn toàn hợp pháp. Do đó, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự, như vậy, đến thời điểm thanh toán mà bị đơn không khả năng thanh toán thì tài sản thế chấp của bị đơn được xử lý theo phương thức do các bên thỏa thuận hoặc nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bằng 2.000.000đ. Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí này theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn đã nộp tạm ứng đủ, do đó, bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[6] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông B, bà N chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với hợp đồng tín dụng bằng 112.963.000đ và bà N chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với hợp đồng thế chấp tín dụng bằng 19.333.000đ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của [Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.](#)

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có cơ sở, phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 100, Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự; và khoản 2 Điều 26 của [Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.](#)

1. Về nội dung

Buộc ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ hoàn trả cho [Ngân hàng Thương mại cổ phần Q](#) tổng số tiền làm tròn bằng 4.963.440.000đ (Bốn tỷ chín trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) (trong đó tiền gốc 4.246.000.000đ; tiền lãi 717.440.000đ).

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q tổng số tiền làm tròn bằng 386.652.00đ (Ba trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn đồng) (trong đó tiền gốc 300.000.000đ; tiền lãi 86.652.000đ).

Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông B, bà N không thanh toán hoặc thanh toán chưa hết nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 52093.21.860.6220717.BĐ; số: 52100.21.860. 6220717-BĐ và 52105.21.860.6220717.BĐ cùng ngày 23/3/2021; hợp đồng được chứng nhận tại Văn phòng C lần lượt theo các số 3782, 3783 và 3781, cùng ngày 23/3/2021 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V, tỉnh Vĩnh Long cùng ngày 23/3/2021.

2. Về án phí

Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Hồng N chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 112.963.000đ (Một trăm mười hai triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 19.333.000đ (Mười chín triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 56.550.000đ (Năm mươi sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007412, ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

3. Về chi phí tố tụng khác

Buộc ông B, bà N nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bằng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

4. Nghĩa vụ thi hành án

4.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (10/02/2025), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và lãi chậm trả lãi (nếu có), theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: 52092.21.860.6220717.TD, ngày 23/3/2021 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng số 860-V00001324, ngày 26/12/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

4.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,...

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tấn Thành